TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 06 - 01 - 2022.
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Dược.
2. Bà Tống Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 668/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2021/QĐXX-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T – Sinh năm 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: Số X Đường W, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông T1– Sinh năm 1958 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: Số X Đường W, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ nơi làm việc: Số Y đường H, Phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà T trình bày có nội dung như sau:

Tôi (T) và ông T1 tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban Nhân dân phường D, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 02/4/2013.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó khoảng 2 năm thì giữa chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tuy sống chung một nhà nhưng chúng tôi không nói chuyện, không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng chung sống chỉ vì trách nhiệm với con cái. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Tôi và ông T1 có một con chung là cháu A – Sinh ngày 05/11/2012. Vì cháu A là con gái, hiện cháu A cũng đang sống cùng với tôi, nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A cho đến tuổi trưởng thành, và không yêu cầu ông T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông T1 tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án Nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông T1 trình bày có nội dung như sau:

Tôi (T1) và bà T có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban Nhân dân phường D, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 02/4/2013. Sau đó chúng tôi vào sinh sống tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm sứt mẻ, kinh tế khó khăn mà hai bên không giải quyết được. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Tôi và bà T có một con chung là cháu A – Sinh ngày 05/11/2012. Hiện nay cháu A đang sinh sống cùng với mẹ, vì vậy tôi đồng ý giao con chung cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà T. Chấp nhận bà T được ly hôn với ông T1. Chấp nhận giao con chung cháu A – Sinh ngày 05/11/2012 cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông T1. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà T và bị đơn ông T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường D, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 02/4/2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông T1 xác định, trong đời sống hôn nhân, giữa bà T và ông T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, dẫn đến tình cảm sứt mẻ, nguyên nhân do quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1. Tại bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án Nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông T1 trình bày ý kiến xác định trong quá trình chung sống, giữa ông T1 và bà T phát sinh mâu thuẫn, tình cảm sứt mẻ, nên ông T1 đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà T và ông T1 có một con chung là cháu A – Sinh ngày 05/11/2012. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A hiện đang sinh sống cùng với bà T và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án Nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh, ông

T1 cũng đồng ý giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Giao con chung cháu A – Sinh ngày 05/11/2012 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông T1, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp thay bà T tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0004578 ngày 05 tháng 10 năm 2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường D, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đông